



Số: 08-2014/TTHĐQT/TK

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 29/11/2005;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;
- Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư này;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ;

Để phù hợp với quy định tại Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và chuẩn bị cho việc niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và giao cho người đại diện theo pháp luật của Công ty hoàn thiện và ban hành Điều lệ mới. Nội dung sửa đổi, bổ sung được trình bày chi tiết tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

Trong quá trình nộp hồ sơ niêm yết của Công ty cho Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE), nếu HOSE có yêu cầu chỉnh sửa Điều lệ để phù hợp với quy định về niêm yết cổ phiếu, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung chỉnh sửa Điều lệ theo yêu cầu của HOSE (nếu có) để thuận lợi cho việc niêm yết và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện chỉnh sửa Điều lệ theo nội dung mà HOSE yêu cầu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TP.HCM, ngày 10/03/2014



ĐẶNG TRIỆU HÒA



PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP SO SÁNH SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỸ NĂM 2014

Một số văn bản pháp luật được áp dụng và viết tắt:

1. Luật Doanh nghiệp 2005: LDN.
2. Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 07 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng: Thông tư 121.
3. Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng (ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 07 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng): ĐLM.

Điều	Nội dung Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
PHẦN MỞ ĐẦU	<p><u>Điều lệ này đã có sửa đổi được cổ đông của Công ty thông qua theo nghị quyết số 02-10/ QĐ-ĐHCD-TK ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Đại hội cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc phát hành cổ phiếu thương, phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên có lựa chọn năm 2010, và theo Nghị quyết ĐHCĐ số: 07-2011/NQĐHCD-TK ngày 01/9/2011 v/v: lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nội dung Tờ trình Hội đồng quản trị số: 09-2011/TTHĐQT/TK v/v: sửa đổi 2 nội dung trong Bản điều lệ; theo lần sửa đổi ngày 29 tháng 03 năm 2012 được thông qua tại Đại hội cổ</u></p>	<p><u>Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông số tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày ... tháng ... năm 2014.</u></p>	<p><i>Chỉnh sửa lại cho ngắn gọn.</i></p>

	<u>đông thường niên năm 2012; theo lần sửa đổi ngày 28 tháng 03 năm 2013 được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2013; và được sửa đổi ngày 26/07/2013 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông ngày 28/03/2013 về việc sửa đổi điều lệ Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.</u>		
Điều 1 Định nghĩa	1j. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và <u>thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.</u>	1j. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và <u>có thể chấm dứt thời gian hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.</u>	<i>Do Điều 2 Điều lệ Công ty đang quy định thời hạn hoạt động của Công ty là vô hạn nên không cần có quy định về gia hạn hoạt động nữa.</i>
Điều 2 Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 48.2 và Điều 49 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty <u>sẽ bắt đầu từ ngày thành lập</u> và là vô thời hạn.	6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 48 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	<i>Do đang kiến nghị bỏ Điều 49: “Trò chuyện bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông” nên điều chỉnh cho phù hợp.</i>
Điều 4 Phạm vi kinh doanh và hoạt động	2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép <u>và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</u>	2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép <u>và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u>	<i>Chỉnh sửa cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 4 ĐLM.</i>

<p>Điều 5 Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p>	<p>8. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, <u>trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán.</u></p>	<p>8. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu <u>trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</u></p>	<p><i>Chỉnh sửa cho phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 5 ĐLM.</i></p>
	<p>10. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua <u>bằng văn bản</u> và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>10. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p><i>Chỉnh sửa cho phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 5 ĐLM.</i></p>
<p>Điều 6 <u>Chứng chỉ cổ phiếu</u></p>	<p>1. Cổ đông của Công ty được cấp <u>chứng chỉ</u> hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 7 của Điều 6.</u></p>	<p>Điều 6: <u>Chứng nhận cổ phiếu</u></p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p>	<p><i>Sửa “chứng chỉ” thành “chứng nhận”.</i></p> <p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 1 Điều 6 ĐLM.</i></p>

<p>2. <u>Chứng chỉ</u> cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. <u>Chứng chỉ</u> cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (<u>nếu là cổ phiếu ghi danh</u>) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. <u>Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.</u></p>	<p>2. <u>Chứng nhận</u> cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. <u>Chứng nhận</u> cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 2 Điều 6 ĐLM.</i></p>
<p>4. <u>Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</u></p>	<p><i>Đề nghị bỏ quy định này. Vì khi Công ty tiến hành niêm yết, việc chuyển nhượng sẽ áp dụng theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.</i></p>	<p><i>Do bỏ điều khoản này nên số thứ tự các điều khoản tiếp theo sẽ thay đổi tương ứng.</i></p>
<p>5. Trường hợp <u>chứng chỉ</u> cổ phiếu <u>ghi danh</u> bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu <u>ghi danh</u> đó có thể yêu cầu được cấp <u>chứng chỉ</u> cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>5. Trường hợp <u>chứng nhận</u> cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp <u>chứng nhận</u> cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p><i>Sửa “chứng chỉ” thành “chứng nhận”.</i> <i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 4 Điều 6 ĐLM.</i></p>
<p>6. <u>Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ, Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cấp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</u></p>	<p><i>Đề nghị bỏ khoản này.</i></p>	<p><i>Khi Công ty tiến hành niêm yết sẽ không có loại cổ phiếu vô danh.</i></p>
<p>7. <u>Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không</u></p>	<p><i>Đề nghị bỏ khoản này.</i></p>	

	<u>chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</u>		
Điều 7 Chứng chỉ chứng khoán khác	Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, <u>trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</u>	Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại Điều 7 ĐLM.</i>
Điều 9 Thu hồi cổ phần	<p>3. <u>Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 0, Error! Reference source not found. và Error! Reference source not found. và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</u></p> <p>4. <u>Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</u></p>	<p>3. <u>Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</u></p> <p>4. <u>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</u></p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 3 Điều 9 ĐLM.</i></p> <p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 4 Điều 9 ĐLM.</i></p>
Điều 10	Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:	Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý, <u>quản trị và kiểm</u>	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại Điều 10</i>

Cơ cấu tổ chức quản lý	a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. Tổng giám đốc điều hành; d. Ban kiểm soát.	soát Cơ cấu tổ chức quản lý, <u>quản trị và kiểm soát</u> của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm soát; d. Tổng giám đốc điều hành.	<i>ĐLM.</i>
Điều 14 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. <u>Thông qua</u> các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 14 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 3 Điều 14 ĐLM.</i>
Điều 16 Thay đổi các quyền	1. <u>Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau), về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</u> 2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần	1. <u>Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua</u> đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 1 Điều 16 ĐLM.</i> <i>Do gộp điều khoản 2 vào điều khoản 1 nên số thứ tự các điều khoản tiếp theo sẽ thay đổi tương ứng.</i>

	<p>thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và <u>mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.</u></p>	<p>người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. <u>Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</u></p>	
<p>Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội <u>trong vòng</u> ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội <u>chậm nhất</u> ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 DLM.</i></p>
	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán (<u>đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch</u>), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông</p>	<p><i>Bỏ đoạn “đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch” vì Công ty đã chuẩn bị tiến hành các thủ tục để đăng ký niêm yết.</i></p>

	trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	
Điều 19 Thể thức họp và biểu quyết Đại hội đồng thực hành biểu quyết tại hội cổ	<p>6. <u>Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</u></p>	<p>6. <u>Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</u></p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 6 Điều 19 ĐLM.</i></p>
	<p>7. <u>Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19 của Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</u></p>	<p><i>Đề nghị bỏ khoản này.</i></p>	<p><i>Vì theo quy định tại khoản 6 trên, Chủ toạ “hoãn Đại hội khi đã có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết” rồi.</i></p>
	<p>10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được</p>	<p>10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được</p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 10</i></p>

	Hội đồng quản trị cho là thích hợp để: a. <u>Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;</u>	Hội đồng quản trị cho là thích hợp để: a. <u>Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</u>	<i>Điều 19 ĐLM.</i>
Điều 20 Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, <u>sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</u>	2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, <u>việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</u>	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 2 Điều 20 ĐLM.</i>
Điều 21 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật Doanh nghiệp.	<u>Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo thể thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>bất cứ vấn đề gì và bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật Doanh nghiệp.</u>	<i>Bổ sung để khẳng định rõ việc ĐHĐCĐ chấp thuận lấy ý kiến bằng văn bản bất cứ vấn đề gì nếu xét thấy cần thiết.</i>

<p>Điều 23</p> <p>Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>		<p><i>Bổ sung nội dung sau:</i></p> <p><u>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u></p>	<p><i>Bổ sung theo quy định tại Điều 23 DLM.</i></p>
<p>Điều 24</p> <p>Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ năm (05) đến bảy (07) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ, giai đoạn sẽ do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị <u>không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</u> Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ năm (05) người đến bảy (07) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ, giai đoạn sẽ do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u></p>	<p><i>Chỉnh sửa để phù hợp với thực tế Công ty đang chuẩn bị tiến hành niêm yết.</i></p>

Điều 27 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	<p>13. <u>Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:</u></p> <p>a. <u>Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</u></p> <p>b. <u>Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.</u></p>	<p>13. <u>Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</u></p>	<p><i>Chỉnh sửa cho chính xác theo quy định tại khoản 13 Điều 27 ĐLM.</i></p>
	<p>14. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</p>	<p>14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp <u>hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</u></p>	<p><i>Bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 27 ĐLM.</i></p>
Điều 30	<p>5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành <u>khi có từ hai phần ba</u></p>	<p>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành <u>khi đa số thành viên Hội đồng quản trị</u></p>	<p><i>Chỉnh sửa và bổ sung theo quy định</i></p>

Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (<u>trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc</u>) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. <u>Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</u>	dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.	<i>tại khoản 5 Điều 30 ĐLM.</i>
Điều 31 Thư ký Công ty	Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: a. <u>Tổ chức</u> các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông <u>theo lệnh</u> của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; b. Làm biên bản các cuộc họp; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.	Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: a. <u>Chuẩn bị</u> các cuộc <u>họp</u> của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông <u>theo yêu cầu</u> của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; c. <u>Tham dự</u> các cuộc họp. d. <u>Đảm bảo các nghị quyết</u> của Hội đồng quản trị <u>phù hợp với luật pháp.</u> e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.	<i>Bổ sung theo quy định tại Điều 31 ĐLM.</i>
Điều 32 Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và <u>cán bộ quản lý được ủy thác</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo <u>phương thức mà họ tin là</u> vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng <u>thường có</u> khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Điều 32: Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> , Tổng giám đốc điều hành và <u>cán bộ quản lý khác</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng <u>phải có</u> khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương	<i>Chỉnh sửa, bổ sung theo quy định tại Điều 34 ĐLM.</i>

		tự.	
Điều 33 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân, đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> , Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	<i>Chỉnh sửa, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 35 ĐLM.</i>
	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. <u>Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</u>	2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> , Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý <u>khác</u> có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.	<i>Chỉnh sửa, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 35 ĐLM.</i>
	3. Công ty <u>không được phép cấp</u> các khoản vay, bảo lãnh, <u>hoặc tín dụng</u> cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, <u>trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</u>	3. Công ty <u>không cấp</u> các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các <u>thành viên nêu trên</u> hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, <u>trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u>	<i>Chỉnh sửa, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 35 ĐLM.</i>
	4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp	4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> , Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, hoặc những người liên quan đến	<i>Chỉnh sửa, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 35</i>

	<p>hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì <u>những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</u></p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc</p>	<p>họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị <u>bằng hoặc</u> lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc</p>	<p><i>DLM.</i></p>
--	--	--	--------------------

	<p>giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, <u>thông qua hoặc phê chuẩn.</u></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý <u>hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.</u></p>	<p>hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</u></p>	
<p>Điều 34</p> <p>Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p>	<p>1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ <u>hành động một cách</u> trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự <u>cẩn trọng</u>, <u>mẫn cán</u> và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác</u> vi phạm nghĩa vụ, <u>trách nhiệm trung thực và cẩn trọng</u>, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự <u>mẫn cán</u> và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 1 Điều 36 ĐLM.</i></p>
<p>Điều 37</p> <p>Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>	<p>3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, <u>biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của</u></p>	<p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, <u>ng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm</u></p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 3 Điều 37 ĐLM.</i></p>

	<p>pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p>	<p>soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p>	
	<p>4. <u>Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.</u></p>	<p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 4 Điều 37 ĐLM.</i></p>

<p>Điều 39 Cổ tức</p>	<p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam <u>và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu.</u> Ngoài ra, <u>các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông.</u> Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.</p>	<p>Điều 39: Phân phối lợi nhuận</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. <u>Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp.</u> Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 5 Điều 39 ĐLM.</i></p>
	<p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết <u>qui định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty.</u> Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, <u>phân chia lợi nhuận</u>, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. <u>Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền</u></p>	<p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết <u>xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông.</u> Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, <u>phân phối lợi nhuận</u>, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 6 Điều 39 ĐLM.</i></p>

	<u>lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</u>		
Điều 43 <u>Hệ thống kế toán</u>	1. <u>Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</u>	Điều 43: Chế độ kế toán <u>Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</u>	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại Điều 42 ĐLM.</i>
Điều 44 Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán	Điều 44: Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, <u>Sở giao dịch chứng khoán</u> và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại Điều 43 ĐLM.</i>
	4. <u>Công ty thực hiện việc công bố báo cáo tài chính theo đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</u>	4. <u>Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.</u>	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại Điều 43 ĐLM.</i>
Điều 45 Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	<u>Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</u>	Điều 45: Báo cáo thường niên <u>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u>	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại Điều 44 ĐLM.</i>

Điều 46 Kiểm toán	<p>1. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</u></p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại Điều 45 ĐLM.</i></p>
	<p>2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p>	<p><i>Đề nghị bỏ khoản này.</i></p>	<p><i>Bỏ khoản này vì đã bổ sung trong khoản 1 Điều 46 như trên.</i></p> <p><i>Do bỏ khoản này nên số thứ tự các khoản tiếp theo sẽ thay đổi tương ứng.</i></p>
	<p>3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính <u>hàng năm cho biết</u> các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng <u>2 (hai) tháng</u> kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</u></p>	<p>3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm <u>phản ánh</u> các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại Điều 45 ĐLM.</i></p>
	<p>4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản <u>báo cáo kế toán</u> hàng năm của Công ty.</p>	<p>4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm <u>báo cáo tài chính năm</u> của Công ty.</p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại Điều 45 ĐLM.</i></p>

	<p>5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự <u>mọi</u> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	<p>5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự <u>các</u> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	<p><i>Chỉnh sửa từ ngữ cho chính xác và theo quy định tại Điều 45 ĐLM.</i></p>
<p>Điều 49 Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông</p>	<p><u>Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <u>Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.</u> <u>Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.</u> <u>Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.</u> 	<p><i>Đề nghị bỏ điều này.</i></p>	<p><i>Điều lệ mẫu đã bỏ quy định này. Vì các cổ đông được quyền yêu cầu giải thể Công ty theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.</i></p> <p><i>Đối với các trường hợp tranh chấp khác sẽ tiến hành theo quy định của Luật Dân sự hoặc pháp luật có liên quan.</i></p>
<p>Điều 53 Ngày hiệu lực</p>	<p><u>Bản Điều lệ này gồm 21 chương 54 điều, đã được sửa đổi theo nghị quyết số 02-10/QĐ-ĐHCD-TK ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Đại hội cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc phát hành cổ phiếu thưởng, phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên có lựa chọn năm 2010, và theo Nghị quyết ĐHCĐ số: 07-2011/NQĐHCĐ-TK ngày 01/9/2011 v/v: lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua</u></p>	<ol style="list-style-type: none"> <u>Bản Điều lệ này gồm 21 chương 53 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ thuật trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</u> Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó: 	<p><i>Chỉnh sửa lại cho ngắn gọn hơn.</i></p>

<p><u>nội dung Tờ trình Hội đồng quản trị số: 09-2011/TTHĐQT/TK v/v: sửa đổi 2 nội dung trong Bản điều lệ; theo lần sửa đổi ngày 29 tháng 03 năm 2012 được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2012; theo lần sửa đổi ngày 28 tháng 03 năm 2013 được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2013; và được sửa đổi ngày 26/07/2013 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông ngày 28/03/2013 về việc sửa đổi điều lệ Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.</u></p> <p><u>Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 07 năm 2013 thay thế bản Điều lệ được thông qua ngày 28 tháng 03 năm 2013.</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó: <ol style="list-style-type: none"> a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty 2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. 3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị. 4. <u>Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 26/07/2013.</u> 	<ol style="list-style-type: none"> a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương; b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố; c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty. <ol style="list-style-type: none"> 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. 	
---	---	--